

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-3-2023.

“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị  
Hong D và anh Phạm Văn Hồng G”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Số 09, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Tổ 8, khu phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B; Chị Dung có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Hồng G, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 126, ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh G vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Chị Dung và anh Phạm Văn Hồng G sống chung như vợ chồng và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh B, và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2013, ngày cấp 06/6/2013.

Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 10/2015 đến nay, vợ chồng chị Dung, anh G thật sự không còn chung sống với nhau. Quá trình sống chung chị Dung và anh G có 01 (một) con chung tên Phạm Gia Huy, sinh này 10/7/2014, hiện cháu Huy đang sống cùng và do chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Dung cho rằng chị Dung không còn tình cảm với anh Phạm Văn Hồng G, nên chị Dung yêu cầu ly hôn với anh G; Về con chung, chị Dung yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Gia Huy, sinh này 10/7/2014, chị Dung không yêu cầu anh G có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Huy cùng chị Dung; Về tài sản chung, nợ chung, chị Dung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn Hồng G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh G cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc chị Nguyễn Thị Hồng D xin ly hôn anh Phạm Văn Hồng G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Dung và anh G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh G có địa chỉ thường trú tại 126, ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị Dung là nguyên đơn, anh G là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Dung có đơn xin xét xử vắng mặt và anh G vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Dung và anh G theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về hôn nhân:**

Việc chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Văn Hồng G đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh B có Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2013, ngày cấp 06/6/2013 là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị Dung và anh G đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

*Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:*

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”*

Tuy nhiên, sau khi cưới chị Dung và anh G sống chung được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 10/2015 vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau, cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, nên thường xuyên mâu thuẫn. Do không còn tình cảm với anh G nên chị Dung đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh G tại địa chỉ mà chị Dung đã cung cấp. Anh G cũng được Tòa án thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị Dung trong vụ án, cũng như thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/02/2023 của Tòa án đối với vụ án. Nhưng anh G không cung cấp ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Mọi hậu quả pháp lý từ việc vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình, anh G phải tự chịu. Hành động của anh G còn cho thấy anh G không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình cùng chị Dung. Từ đó, xác định chị Dung và anh G đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D để cho vợ chồng chị Dung và anh G ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đầy đủ nội dung vụ án bao gồm lời trình bày của chị Dung về con chung của vợ chồng, nhưng anh G đã không đưa ra ý kiến phản bác cho thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định chị Dung và anh G có 01 (một) con chung tên Phạm Gia Huy, sinh này 10/7/2014, hiện cháu Huy đang sống cùng và do chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Dung yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huy, anh G không có ý kiến phản đối, hiện con chung đang sống cùng và do chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dung về nuôi con chung. Cụ thể giao con chung là cháu Huy cho chị Dung tiếp tục trực

tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu Huy và đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống của cháu.

Do chị Dung không yêu cầu anh G có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu Huy cùng chị Dung và anh G cũng không có ý kiến gì về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị Dung và anh G.

Dù không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh G vẫn có các quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 81; có các nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Văn Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Văn Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Văn Hồng G.

##### **2. Về nuôi con chung:**

Giao con chung tên Phạm Gia Huy, sinh này 10/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Huy đang do chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng). Chị Dung không yêu cầu anh G có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Huy cùng chị Dung.

##### **3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.**

##### **4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.**

### 5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0013839** ngày **24 tháng 10 năm 2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị Dung đã nộp đủ án phí).

Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Phạm Văn Hồng G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND phường P,
- TP Bà Rịa, tỉnh B;
- (GCNKH số 29 ngày 06/6/2013)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hà Thị Mỹ Xuân**